

Số: 20 /2024/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 22 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu
quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các chế độ báo cáo được quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ

Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ để phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.

Điều 4. Phương thức gửi, nhận báo cáo

Báo cáo định kỳ quy định tại Quyết định này được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (bao gồm bản pdf và bản word) và được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

1. Gửi qua phần mềm hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
2. Gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Gia Lai (tại địa chỉ: <https://baocao.gialai.gov.vn>).
3. Gửi trực tiếp.
4. Gửi qua dịch vụ bưu chính.

Chương II

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Điều 5. Báo cáo công tác quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

1. Sở Ngoại vụ gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo công tác quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: Hàng năm.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 6. Báo cáo thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Sở, ban, ngành tỉnh (trừ Sở Nội vụ và Sở Ngoại vụ), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Sở, ban, ngành tỉnh (trừ Sở Nội vụ và Sở Ngoại vụ), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến Thanh tra tỉnh chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Thanh tra tỉnh tổng hợp, gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: Hàng năm.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 7. Báo cáo thực hiện phòng, chống rửa tiền và các giao dịch có giá trị lớn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản

1. Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, Sở Xây dựng gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, sàn giao dịch bất động sản gửi báo cáo đến Sở Xây dựng chậm nhất vào ngày 19 tháng 6 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng); chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo năm).

b) Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 tháng 6 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng); chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo năm).

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo thực hiện phòng, chống rửa tiền và các giao dịch có giá trị lớn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: 6 tháng, hàng năm.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

b) Số liệu báo cáo năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 8. Báo cáo tình hình hoạt động của các điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

1. Sở Thông tin và Truyền thông; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến Sở Thông tin và Truyền thông chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo tình hình hoạt động của các điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: Hàng năm.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 9. Báo cáo tình hình lao động từ các tỉnh trở về địa phương và triển khai các giải pháp hỗ trợ lao động quay trở lại làm việc

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chậm nhất vào ngày 19 của tháng cuối hàng quý của kỳ báo cáo.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 của tháng cuối hàng quý của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo tình hình lao động từ các tỉnh trở về địa phương và triển khai các giải pháp hỗ trợ lao động quay trở lại làm việc được thực hiện theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: hàng Quý.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Số liệu báo cáo quý tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối hàng quý của kỳ báo cáo.

Điều 10. Báo cáo kết quả ứng dụng đề tài, dự án khoa học và công nghệ các cấp

1. Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Sở Khoa học và Công nghệ gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo kết quả ứng dụng đề tài, dự án khoa học và công nghệ các cấp được thực hiện theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: Hàng năm.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 11. Báo cáo công tác đảm bảo an toàn thực phẩm

1. Sở Y tế; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến Sở Y tế chậm nhất vào ngày 19 tháng 6 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng); chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo năm).

b) Sở Y tế tổng hợp, gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 tháng 6 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng); chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo năm).

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được thực hiện theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: 06 tháng, hàng năm.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

b) Số liệu báo cáo năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 12. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến Ban Dân tộc chậm nhất vào ngày 19 hàng tháng của kỳ báo cáo.

b) Ban Dân tộc tổng hợp, gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 hàng tháng của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thực hiện theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: Hàng tháng.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Số liệu báo cáo được tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng của kỳ báo cáo.

Điều 13. Báo cáo kết quả thực hiện công tác thi đua, khen thưởng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 19 tháng 6 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng); chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo năm).

b) Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 tháng 6 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng); chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo (đối với báo cáo năm).

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo kết quả thực hiện công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: 06 tháng, hàng năm.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 01 tháng 12 trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 5 của kỳ báo cáo.

b) Số liệu báo cáo năm tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.

Điều 14. Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 19 hàng tháng (đối với báo cáo tháng); chậm nhất vào ngày 19 của tháng cuối hàng quý (đối với báo cáo quý); chậm nhất vào trước ngày 19 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng); chậm nhất vào ngày 19 tháng 9 (đối với báo cáo 9 tháng); chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 (đối với báo cáo năm).

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: Tháng/quý/6 tháng/9 tháng/năm.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Số liệu báo cáo tháng được tính từ ngày 15 tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của kỳ báo cáo.

b) Số liệu báo cáo quý tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối hàng quý của kỳ báo cáo.

c) Số liệu báo cáo 6 tháng được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước của kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

d) Số liệu báo cáo 9 tháng được tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước của

kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

đ) Số liệu báo cáo năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 15. Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến các cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất ngày 19 của kỳ báo cáo.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo:

Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được thực hiện theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tần suất báo cáo: 06 tháng, hàng năm.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

b) Số liệu báo cáo năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 6 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chế độ báo cáo định kỳ quy định tại Quyết định này.

3. Trong phạm vi quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, các sở, ban, ngành tỉnh thống kê quy định về chế độ báo cáo định kỳ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ theo quy định tại

khoản 3 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận: Hà.

- Như Điều 17;
- Vụ pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp xã (Ủy ban nhân dân cấp huyện sao gửi);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Phòng: KGVX, HCQT, NL, CNXD, TTTH - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Hải Long



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phụ lục I

BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỘ CHIẾU NGOẠI GIAO, HỘ CHIẾU CÔNG VỤ

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CQ, TC BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /..... -.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Công tác quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

1. Tình hình quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

- Tổng số hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ được cấp tính đến kỳ báo cáo, bao gồm: Số hộ chiếu cơ quan quản lý hộ chiếu đang quản lý; số hộ chiếu chưa nộp lại cơ quan quản lý;

- Các trường hợp hộ chiếu bị mất, hỏng;

- Các trường hợp đã xử lý vi phạm trong sử dụng và quản lý hộ chiếu;

- Thông báo và chuyển cho Bộ Ngoại giao hộ chiếu của những người không còn thuộc diện được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, bao gồm cả những người đã nghỉ hưu, thôi việc, hết nhiệm kỳ công tác, ra khỏi biên chế, bị chết, bị mất tích;

- Các trường hợp sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ không đúng mục đích theo quy định.

- Công tác phối hợp quản lý hộ chiếu của các cơ quan, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộ chiếu.

2. Đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ: khó khăn, vướng mắc.

3. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Phụ lục II**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH****Phần I. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CQ, TC BÁO CÁO Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /..... -.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO**Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh****1. Kết quả thực hiện kế hoạch thanh, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:**

Tổng số doanh nghiệp đã được thanh tra, kiểm tra, tỷ lệ đạt so với Kế hoạch được phê duyệt (Nêu rõ lý do không tiến hành thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được phê duyệt).

2. Kết quả đạt được qua thanh, kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch

Tổng số tiền sai phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra; số tiền kiến nghị thu hồi nộp ngân sách, số tiền đã thu hồi nộp ngân sách; số Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành, số tiền xử phạt vi phạm hành chính, các hình thức xử phạt.

3. Về thanh tra, kiểm tra đột xuất, ngoài kế hoạch

- Tổng số doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra;
- Tổng số doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính;
- Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính.

4. Đánh giá chung

- Ưu điểm
- Hạn chế

5. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Phụ lục III**BÁO CÁO THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN VÀ CÁC GIAO DỊCH CÓ GIÁ TRỊ LỚN TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CQ, TC BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....-.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Thực hiện phòng chống rửa tiền và các giao dịch có giá trị lớn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản

BẢNG CHI TIẾT VỀ GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

STT	Số hợp đồng	Loại hợp đồng	Ngày, tháng, năm giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Ghi chú
1					
2					
1					
2					
3					
4					
Tổng cộng					

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Phụ lục IV**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐIỂM TRUY CẬP
INTERNET CÔNG CỘNG VÀ ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ
CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CQ, TC BÁO CÁOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /..... -.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO**Tình hình hoạt động của các điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng năm... (năm thực hiện báo cáo)****1. Công tác quản lý nhà nước.**

a) Các hoạt động chính (phổ biến pháp luật, cấp và thu hồi giấy phép, thanh kiểm tra, các hoạt động khác).

b) Các văn bản cấp tỉnh, cấp huyện mới ban hành (kèm theo bản copy hoặc đường link).

c) Số lượng các giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng cấp mới, thu hồi.

2. Tình hình hoạt động và tuân thủ pháp luật của các điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp trò chơi điện tử và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.**3. Số lượng các điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tính đến ngày 15/12/(năm báo cáo)**

Số TT	Loại điểm	Số lượng
1	Đại lý Internet	
2	Điểm cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp Internet	
3	Điểm truy nhập Internet công cộng tại nhà hàng, khách sạn, sân bay, quán café và các điểm công cộng khác	
Tổng số		

4. Số lượng các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tính đến ngày 15/12 (năm thực hiện báo cáo).

Số TT	Loại điểm	Số lượng
1	Đại lý Internet	
2	Điểm cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp Internet	
3	Điểm truy nhập Internet công cộng tại nhà hàng, khách sạn, sân bay, quán café và các điểm công cộng khác	
4	Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng không kết nối Internet	
Tổng số		

5. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất (nếu có).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Phụ lục V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG TỪ CÁC TỈNH TRỞ VỀ ĐỊA PHƯƠNG VÀ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ LAO ĐỘNG QUAY TRỞ LẠI LÀM VIỆC

**Phần I. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG TỪ CÁC TỈNH TRỞ VỀ ĐỊA PHƯƠNG VÀ
TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ LAO ĐỘNG QUAY TRỞ LẠI
LÀM VIỆC**

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CQ, TC BÁO CÁO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....-.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Tình hình lao động từ các tỉnh trở về địa phương và triển khai các giải pháp hỗ trợ lao động quay trở lại làm việc

(Ban hành kèm theo Quyết định số / /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

1. Tình hình lao động từ các tỉnh trở về địa phương
2. Kết quả giải quyết việc làm, hỗ trợ an sinh xã hội và nắm bắt nhu cầu làm việc cho người lao động
3. Giải pháp hỗ trợ việc làm cho người lao động tại địa phương
4. Đề xuất, kiến nghị

Tình hình giải quyết việc làm, hỗ trợ an sinh xã hội và nắm bắt nhu cầu làm việc cho người lao động

TT	Địa phương (xã/phường/thị trấn)	Tình hình giải quyết việc làm, hỗ trợ an sinh xã hội và nắm bắt nhu cầu làm việc cho người lao động									
		Trong đó									
		Tình hình giải quyết việc làm Quý I/II/III/IV năm 2023		Công tác triển khai nắm bắt nhu cầu tìm việc của người lao động							
		Tổng số	Trong đó: Giải quyết việc làm cho người lao động từ các tỉnh trở về	Tổng số lao động có nhu cầu việc làm	Trong đó						
					Trong tỉnh	Ngoài tỉnh	Cụ thể				
						Đồng Nai	Bình Dương	Hồ Chí Minh	Khác		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7+8+9</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	
1											
2											
3											
4											
5											

Nơi nhận:

-;
-;- Lưu: VT,...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Phụ lục VI
BÁO CÁO KẾT QUẢ ỨNG DỤNG ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ CÁC CẤP

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Mẫu số 01

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngày..... tháng.....năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả ứng dụng đề tài, dự án khoa học và công nghệ các cấp
(Năm)

- 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng các đề tài/dự án tại cơ quan, đơn vị, địa phương**
- 2. Kết quả ứng dụng đề tài/ dự án**

Biểu mẫu thống kê đánh giá kết quả ứng dụng các đề tài/dự án

TT	Tên đề tài/dự án	Năm nhận bàn giao	Kết quả thực hiện sau khi nhận bàn giao			Nguồn kinh phí sử dụng để duy trì, nhân rộng (tr.đ)		Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội	Ghi chú
			Duy trì (Nêu rõ quy mô, địa điểm duy trì)	Nhân rộng (Nêu rõ quy mô, địa điểm duy trì)	Không duy trì, nhân rộng (Nêu rõ lý do không duy trì, nhân rộng được)	Từ NSNN	Khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									

- 3. Đánh giá chung kết quả ứng dụng và nhân rộng các đề tài, dự án**
- 4. Những khó khăn, hạn chế**
- 5. Định hướng ứng dụng và nhân rộng kết quả các đề tài/dự án trong thời gian tới (năm**)

6. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Sở KH&CN;
- Lưu: VT,....

Thủ trưởng

Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục VII
BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM

Phần I. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM

Mẫu 01

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CQ, TC BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm 6 tháng đầu năm/năm...

A. Kết quả thực hiện công tác đảm bảo an toàn thực phẩm 6 tháng đầu năm/năm¹

I. Công tác tham mưu, chỉ đạo

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao

1. Tình hình quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn hoặc của các ngành

- Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh có trên địa bàn:....., Số cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý theo từng ngành:.....

- Số cơ sở đã cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hạn/Số cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy theo từng ngành.

- Số cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy theo thẩm quyền:..... và số giấy đã cấp còn hạn:.....(đạt tỷ lệ ...%).

- Số cơ sở thuộc đối tượng không phải cấp giấy theo thẩm quyền:..... và số Giấy cam kết đã ký:.....(nếu có).

2. Công tác thông tin, truyền thông, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về ATTP (nêu cụ thể hình thức tuyên truyền, số lượng)

3. Công tác thanh tra, kiểm tra

4. Công tác giải quyết thủ tục hành chính (cụ thể theo từng ngành)

¹ Đối với các sở, ban, ngành là thành viên của Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tình báo cáo các nội dung theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- a) Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP
 - + Ngành Y tế (tuyển tỉnh/tuyển huyện)
 - + Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tuyển tỉnh/tuyển huyện).
 - + Ngành Công Thương.
 - b) Cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm/Giấy xác nhận nội dung quảng cáo/Bản tự công bố sản phẩm
 - c) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y
 - d) Cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm (đối với đối tượng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm), số giấy Cam kết đã ký.
5. Xây dựng mô hình
 6. Công tác kiểm nghiệm thực phẩm, giám sát môi trường ô nhiễm thực phẩm và giám sát ngộ độc thực phẩm
 - a) Công tác kiểm nghiệm thực phẩm
 - b) Giám sát môi trường ô nhiễm thực phẩm
 - c) Công tác giám sát ngộ độc thực phẩm
 7. Kinh phí cho hoạt động đảm bảo ATTP
 8. Công tác kiện toàn bộ máy đơn vị quản lý ATTP, kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP các cấp (cấp xã, cấp huyện)
 9. Các hoạt động khác liên quan về ATTP

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

IV. Đề xuất, kiến nghị

B. Nhiệm vụ công tác đảm bảo an toàn thực phẩm 6 tháng cuối năm/năm tiếp theo

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Mẫu số 2
CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-.... ngày tháng năm
 của)

I. Thanh tra, kiểm tra liên ngành

Nội dung thanh tra, kiểm tra	Đối tượng thanh tra, kiểm tra	Đơn vị thực hiện	Số lượt cơ sở			Nội dung vi phạm chủ yếu	Tổng số tiền phạt
			Thanh tra, kiểm tra	Vi phạm	Vi phạm bị xử lý		

II. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành

Nội dung thanh tra, kiểm tra	Đối tượng thanh tra, kiểm tra	Đơn vị thực hiện	Số lượt cơ sở			Nội dung vi phạm chủ yếu	Tổng số tiền phạt
			Thanh tra, kiểm tra	Vi phạm	Vi phạm bị xử lý		

III. Thanh tra, kiểm tra đột xuất (theo sự chỉ đạo, khi có dấu hiệu vi phạm ...)

Nội dung thanh tra, kiểm tra	Đối tượng thanh tra, kiểm tra	Đơn vị thực hiện	Số lượt cơ sở			Nội dung vi phạm chủ yếu	Tổng số tiền phạt
			Thanh tra, kiểm tra	Vi phạm	Vi phạm bị xử lý		

IV. Kiểm tra đánh giá, xếp loại

Nội dung Kiểm tra đánh giá, xếp loại	Đối tượng Kiểm tra đánh giá, xếp loại	Cơ quan thực hiện	Số lượt cơ sở được kiểm tra đánh giá, xếp loại	Kết quả xếp loại cơ sở					Không xếp loại
				Kết quả xếp loại cơ sở					
				A	A,A	A,B	B	C	

Lưu ý: Phụ lục 2 chỉ áp dụng đối với các đơn vị được giao chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát về ATTP bao gồm: Thanh tra các Sở: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Lực lượng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh và Quản lý Thị trường; BCĐLNATTP các huyện, thị xã, thành phố.

Phụ lục VIII**BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI****Phần I. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO****KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CQ, TC BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....-.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tháng/năm

I. Tình hình phân bổ và giải ngân vốn

Tổng vốn ngân sách nhà nước phân bổ, trong đó:

+ Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển là triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương (NSTW) là triệu đồng, Ngân sách địa phương (NSDP) là triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là triệu đồng, đạt% kế hoạch.

+ Nguồn vốn sự nghiệp là: triệu đồng, trong đó NSTW là: triệu đồng; NSDP: triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là triệu đồng, đạt% kế hoạch.

+ Vốn vay tín dụng chính sách: Tổng kế hoạch vốn là triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là triệu đồng, đạt% kế hoạch.

+ Vốn huy động/lồng ghép khác: Giải ngân đến thời điểm báo cáo là triệu đồng, đạt% kế hoạch (bao gồm cả vốn huy động đã chuyển đổi bằng ngày công lao động của người dân đóng góp).

II. Kết quả triển khai và khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị tại từng nội dung, Tiểu dự án, Dự án thuộc Chương trình

1) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở

Đến nay thực hiện được hộ, diện tích ha, kinh phí triệu đồng. Trong đó ngân sách Trung ương triệu đồng, ngân sách địa phương triệu đồng, vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội (CSXH) triệu đồng; đạt% so với kế hoạch.

b) Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở

Đến nay thực hiện được hộ, kinh phí triệu đồng. Trong đó ngân sách Trung ương triệu đồng, ngân sách địa phương triệu đồng, vốn vay từ Ngân hàng CSXH triệu đồng; đạt% so với kế hoạch.

c) Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

- Hỗ trợ đất sản xuất: Đến nay thực hiện được hộ, diện tích ha, kinh phí triệu đồng. Trong đó ngân sách Trung ương triệu đồng, ngân sách địa phương triệu đồng, vốn vay từ Ngân hàng CSXH triệu đồng; đạt% so với kế hoạch.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đến nay thực hiện được hộ, kinh phí triệu đồng. Trong đó ngân sách Trung ương triệu đồng, vốn vay từ Ngân hàng CSXH triệu đồng; đạt% so với kế hoạch.

d) Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt

- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Đến nay thực hiện được hộ, kinh phí triệu đồng; đạt% so với kế hoạch.

- Đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung: Đến nay thực hiện được..... công trình, số hộ thụ hưởng.... hộ, kinh phí triệu đồng ; đạt% so với kế hoạch.

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết*** Kết quả thực hiện:**

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**a) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân**

- Kinh phí đã giải ngân, đạt % KH vốn.

* **Kết quả thực hiện:** Diện tích khoán bảo vệ rừng/số hộ; Diện tích bảo vệ rừng/số hộ; diện tích trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài

gỗ/số hộ; Số lượng trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng/hộ....

- Khó khăn, vướng mắc:
- Đề xuất, kiến nghị

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN)

*** Nội dung số 01:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

+ Kinh phí đã giải ngân (cụ thể: Vốn trung ương (TW), vốn địa phương (ĐP), vốn tín dụng, vốn huy động khác), đạt % kế hoạch vốn.

*** Kết quả thực hiện:**

Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: ? số lượng dự án/số hộ thụ hưởng/nội dung hỗ trợ (số lượng cụ thể theo từng nội dung)

Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế, cộng đồng: ? số lượng dự án/số hộ thụ hưởng/nội dung hỗ trợ (số lượng cụ thể theo từng nội dung)

- Khó khăn, vướng mắc:
- Đề xuất, kiến nghị

*** Nội dung số 02:** Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

+ Kinh phí giao (cụ thể: Vốn TW, vốn ĐP)

+ Kinh phí đã giải ngân (cụ thể: Vốn TW, vốn ĐP), đạt % kế hoạch vốn.

*** Kết quả thực hiện:** Số lượng mô hình khởi nghiệp?(khu vực III ? mô hình); Số lượng hội chợ/quy mô/số hộ; số lượng hội nghị xúc tiến đầu tư/quy mô/số người tham gia; số lớp tập huấn/số lượt người tham gia; hoạt động tuyên truyền...(số lượng nội dung cụ thể) và các hoạt động khác (cụ thể hoạt động gì, số lượng bao nhiêu).

- Khó khăn, vướng mắc
- Đề xuất, kiến nghị

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

*** Kết quả thực hiện:**

1. Vốn Đầu tư phát triển (ĐTPT):triệu đồng, trong đó: Vốn Ngân sách TW:.....triệu đồng; NSĐP triệu đồng;

+ Nội dung số 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn(ĐBK), thôn đặc biệt khó khăn.

Vốn ĐTPT:triệu đồng, trong đó:Vốn NSTW:.....triệu đồng; Vốn NSĐP..... triệu đồng;

- Đầu tư các xã ĐBK là:.....triệu đồng, trong đó NSTW:....triệu đồng và NSĐP:..... triệu đồng.

- Đầu tư cho các làng ĐBK là:..... triệu đồng, trong đó NSTW:triệu đồng và NSĐP:.....triệu đồng.

Số công trình đã thực hiện:

- Giao thông:..... công trình với..... km; Nhà sinh hoạt cộng đồng:.... nhà vớim²; Trường học: công trình với ...m² ; Thủy lợi 1 công trình.....;.....

Đường liên xã:.....km;

+ Nội dung 2: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng ĐBDTTS và MN.

Chợ:

2. Vốn sự nghiệp: Kinh phí duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng các xã, thôn ĐBK:.... triệu đồng, trong đó: Vốn NSTW:.....triệu đồng; Vốn NSĐP:.....triệu đồng.

Các công trình duy tu bảo dưỡng đã thực hiện: Giao thông:..... công trình với..... km; Nhà sinh hoạt cộng đồng:.... nhà vớim²; Trường học:..... công trình với ...m² ; Thủy lợi..... công trình.....; Đường liên xã:.....km;

+ Nội dung 2: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng ĐBDTTS và MN.

Chợ:

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

*** Kết quả thực hiện:**

+ Đầu tư cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị các trường PTDTNT, PTDTBT và trường phổ thông có HSBT: Tiến độ thực hiện các công trình? Số lượng hoàn thành? Địa điểm? Giải ngân?.

+ Mua sắm trang thiết bị đảm bảo hoạt động giảng dạy và học tập cho các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường PT có HSBT phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông: Số lượng trang thiết bị? Giải ngân?.

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), GV các trường

PTDNT, trường PTDTBT và trường PT có HSBT: Số lớp? Số người tham dự?
Giải ngân?

+ Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS: Tổ chức bao nhiêu lớp học XMC? Số người tham dự? giải ngân?.

+

- Khó khăn, vướng mắc

- Đề xuất, kiến nghị

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

- Nội dung 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học

* **Kết quả thực hiện:** báo cáo chi tiết các nội dung đã giải ngân được vốn

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

* **Kết quả thực hiện:**

+ Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện và tập quán vùng DTTS&MN gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo: Số lượng các mô hình? Số người tham dự? Giải ngân?

+ Hỗ trợ đào tạo nghề: Số lượng người được đào tạo nghề (*trong đó người DTTS được đào tạo nghề*)? Giải ngân?

+ Hỗ trợ người lao động học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: Số lượng người? Giải ngân?

+ Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS: Số lượng người lao động được hỗ trợ? Giải ngân?

+ Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở GDNN vùng DTTS&MN: Số lớp tập huấn? Số lượng cán bộ quản lý; người dạy nghề, cán bộ quản tham gia? Số lượng cơ sở GDNN được hỗ trợ cải tạo, sửa chữa CSVC, mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo? Số lượng cơ sở GDNN được hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học? Giải ngân?

+ Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; Kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án

+

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

d) Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

*** Kết quả thực hiện:**

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho mạng lưới cán bộ làm công tác dân tộc: Số lớp? Số người tham dự? Giải ngân?

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình: Số đợt? Số người tham dự? Giải ngân?

+

- Khó khăn, vướng mắc

- Đề xuất, kiến nghị

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

*** Kết quả thực hiện:** Báo cáo chi tiết các nội dung đã thực hiện được

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

*** Kết quả thực hiện:** Liệt kê các nội dung thực hiện, tiến độ thực hiện? Giải ngân?

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Tổng vốn được giao:..... (trong đó, vốn trung ương....., vốn địa phương.....)

- Tổng vốn giải ngân:..... (trong đó, vốn trung ương....., vốn địa phương.....)

*** Kết quả thực hiện:**

+ Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em:

+

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những

vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em:.....

+ Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị:.....

+ Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng:.....

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

*** Kết quả thực hiện:**

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

b) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

*** Kết quả thực hiện:**

+ Tập huấn: Bao nhiêu lớp? Bao nhiêu người tham dự? Kinh phí bao nhiêu

+ Tờ rơi tuyên truyền: Số lượng? Kinh phí

+ Sổ tay tuyên truyền: Số lượng? Kinh phí

+ Mô hình điểm: Bao nhiêu mô hình? Kinh phí

+ Phiên tòa giả định: Bao nhiêu phiên tòa? Kinh phí

+ Pano tuyên truyền: Bao nhiêu cụm pano? Kinh phí

+ Cuộc thi tìm hiểu kiến thức về tảo hôn: Bao nhiêu cuộc thi? Kinh phí

+

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG

+ Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

*** Kết quả thực hiện:** Liệt kê các nội dung thực hiện? Giải ngân?

Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao

.....
- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

+ Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS

*** Kết quả thực hiện:** Liệt kê các nội dung thực hiện? Giải ngân?

Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp với vùng miền, địa phương cấp huyện, tỉnh, khu vực và toàn quốc), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số;

.....
- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

+ Nội dung số 03: Tăng cường trợ giúp pháp lý

*** Kết quả thực hiện:** Liệt kê các nội dung thực hiện,? Giải ngân?

Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số phủ sóng các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tổ chức chuyên

đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Biên soạn, cung cấp tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số.

.....

- Khó khăn, vướng mắc:

- Đề xuất, kiến nghị:

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

- Tổng vốn được giao:..... (trong đó, vốn đầu tư....., vốn sự nghiệp.....)

- Tổng vốn giải ngân..... (trong đó, vốn đầu tư....., vốn sự nghiệp.....)

*** Kết quả thực hiện:**

+ Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030: (Triển khai thực hiện nhiệm vụ gì? Tiến độ thực hiện? Kinh phí thực hiện....?(trong đó, vốn đầu tư....., vốn sự nghiệp.....))

.....

+ Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự: (Triển khai thực hiện tại xã nào? Tiến độ thực hiện? Kinh phí thực hiện....?(trong đó, vốn đầu tư....., vốn sự nghiệp.....))

.....

+ Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (**Liên minh hợp tác xã tỉnh báo cáo**)

- Khó khăn, vướng mắc

- Đề xuất, kiến nghị:

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

+ Kinh phí giao

+ Kinh phí đã giải ngân

*** Kết quả thực hiện:**

Tổ chức kiểm tra, giám sát bao nhiêu đơn vị?. Nội dung kiểm tra, giám sát các dự án, tiểu dự án nào?.

- Khó khăn, vướng mắc

- Đề xuất, kiến nghị

III. Khó khăn, vướng mắc chung của Chương trình

Khó khăn, vướng mắc chung của Chương trình còn tồn tại đến thời điểm báo cáo (nếu có).

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Kiến nghị, đề xuất với các Bộ, ngành Trung ương đối với khó khăn vướng mắc chung của Chương trình (nếu có)
2. Kiến nghị, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh đối với khó khăn vướng mắc chung của Chương trình (nếu có)./.

a) <u>Tiêu dự án 1</u> : Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG												
- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín												
- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS												
- Nội dung số 03: Tăng cường trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS												
b) <u>Tiêu dự án 2</u> : Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN												
c) <u>Tiêu dự án 3</u> : Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT												

Thời gian chốt số liệu báo cáo: tính đến ngày cuối cùng tháng trước liền kề tháng báo cáo

Phụ lục IX
BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Phần I. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CQ, TC BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....-.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO
kết quả thực hiện công tác thi đua khen thưởng

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ, CHUYÊN MÔN

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị. So sánh với kế hoạch, chỉ tiêu được cấp thẩm quyền giao, so sánh với cùng kỳ nhằm phản ánh chính xác kết quả đạt được.

II. THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

1. Đánh giá việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

III. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo về thi đua, khen thưởng

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

- Kết quả tham gia các hoạt động của cụm, khối thi đua.

2. Việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua và kết quả đạt được trong các phong trào thi đua (thường xuyên, theo đợt, chuyên đề, đột xuất).

a) Các phong trào thi đua do Chính phủ, bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh phát động (số lượng, tên phong trào, kết quả đạt được).

b) Các phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương phát động (số lượng, tên phong trào, mục đích, tiêu chí thi đua, kết quả đạt được).

3. Công tác khen thưởng:

- Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước.

- Công tác phát hiện khen thưởng và đề nghị khen thưởng, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến (*có danh sách điển hình tiên tiến cụ thể và tóm tắt thành tích từng trường hợp*).

Trong đó phân tích khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng thường xuyên) chiếm tỷ lệ (%); khen thưởng chuyên đề, đột xuất chiếm tỷ lệ (%); khen thưởng cho cá nhân là lãnh đạo quản lý từ cấp phòng trở lên chiếm tỷ lệ (%); cá nhân không phải là cán bộ lãnh đạo quản lý, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp, sản xuất, công tác và công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chiếm tỷ lệ (%).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Hướng khắc phục tồn tại, hạn chế

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TĐKT TRONG THỜI GIAN TỚI

Biểu mẫu 02**DANH SÁCH ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN***(Kèm theo Báo cáo số.../BC-...ngày...tháng...năm...)***TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

STT	ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC (đối với cá nhân)	LĨNH VỰC (điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nào)	TÓM TẮT THÀNH TÍCH	SỐ ĐIỆN THOẠI	GHI CHÚ

Phụ lục x

BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP THÁNG....., QUÝ....., NĂM.....

BIỂU MẪU BÁO CÁO

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung, số liệu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Số lượng (Ước từ đầu kỳ đến hết kỳ báo cáo)	Số lượng của cùng kỳ năm trước	So sánh (%)		Ghi chú
						So với kế hoạch năm	So với cùng kỳ năm trước	
			1	2	3	4 = (2/1)	5 = (2/3)	6
1	Phát triển doanh nghiệp	Doanh nghiệp						
1.1	Số doanh nghiệp đang hoạt động	Doanh nghiệp						
1.2	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp						
1.3	Số doanh nghiệp giải thể	Doanh nghiệp						
1.4	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động	Doanh nghiệp						
1.5	Số doanh nghiệp hoạt động lại	Doanh nghiệp						
1.6	Số lượng doanh nghiệp có nữ làm chủ	Người						

Phụ lục XI**BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ****Phần I. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CQ, TC BÁO CÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-....

Gia Lai, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
6 THÁNG ĐẦU NĂM, ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM BÁO CÁO; DỰ KIẾN
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM KẾ HOẠCH

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM, ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM BÁO CÁO

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ**1. Đánh giá chung****a. Số lượng**

- Về hợp tác xã: có bao nhiêu Hợp tác xã (HTX), trong đó đang hoạt động theo Luật HTX năm 2012, HTX ngưng hoạt động, ... HTX chưa chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012; doanh thu bình quân đạt triệu đồng/năm; lãi bình quân đạt triệu đồng/năm.

- Về Liên hiệp Hợp tác xã (LH HTX):

- Về Tổ hợp tác: có ... Tổ hợp tác (THT), trong đó có THT có đăng ký hoạt động với chính quyền cấp xã, đa số các THT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, doanh thu bình quân mỗi THT là triệu đồng.

b. Về thành viên, lao động của HTX, LH HTX, THT

- Tổng số thành viên của HTX là ... người (trong đó thành viên mới là ... người).

- Tổng số lao động thường xuyên trong HTX là ... người (trong đó lao động là thành viên là người, lao động mới là người). Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX khoảng triệu đồng.

- Về LH HTX:

- Về THT:

c. Về trình độ cán bộ quản lý HTX, LH HTX: tổng số cán bộ quản lý HTX, LH HTX có người, trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ cấp, trung cấp có người, chiếm % tổng số cán bộ quản lý; cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học có người chiếm% tổng số cán bộ quản lý.

2. Đánh giá theo lĩnh vực

- Lĩnh vực nông nghiệp: có ... HTX với sự tham gia của thành viên, giải quyết việc làm cho ... lao động; vốn điều lệ đăng ký ... triệu đồng. Một số HTX hoạt động có hiệu quả, điển hình,...

- Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: có ... HTX với sự tham gia của thành viên, giải quyết việc làm cho ... lao động; vốn điều lệ đăng ký ... triệu đồng. Một số HTX hoạt động có hiệu quả, điển hình,...

- Lĩnh vực vận tải: có ... HTX với sự tham gia của thành viên, giải quyết việc làm cho ... lao động; vốn điều lệ đăng ký ... triệu đồng. Một số HTX hoạt động có hiệu quả, điển hình,...

- Lĩnh vực xây dựng: có ... HTX với sự tham gia của thành viên, giải quyết việc làm cho ... lao động; vốn điều lệ đăng ký ... triệu đồng. Một số HTX hoạt động có hiệu quả, điển hình,...

- Lĩnh vực thương mại: có ... HTX với sự tham gia của thành viên, giải quyết việc làm cho ... lao động; vốn điều lệ đăng ký ... triệu đồng. Một số HTX hoạt động có hiệu quả, điển hình,...

- Lĩnh vực quỹ tín dụng nhân dân (QTD): có ... HTX với sự tham gia của thành viên, giải quyết việc làm cho ... lao động; vốn điều lệ đăng ký ... triệu đồng. Một số HTX hoạt động có hiệu quả, điển hình,...

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có ... LH HTX nông nghiệp với ... HTX thành viên,...

3. Đánh giá tác động của HTX, LH HTX, THT tới thành viên, kinh tế hộ thành viên

4. Một số mô hình hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao

Lưu ý: Báo cáo kèm theo phụ lục I và V.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KTTT

1. Kết quả triển khai Luật và các văn bản hướng dẫn

- Kết quả triển khai các văn bản của trung ương
- Kết quả triển khai các văn bản của địa phương

2. Công tác quản lý nhà nước về KTTT

- Vai trò, các hoạt động của Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT trên địa bàn huyện: đã kiện toàn Ban chỉ đạo và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ

đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX hay chưa; số văn bản; tổ chức họp Ban Chỉ đạo,...

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn

- ...

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, ưu đãi HTX.

- Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT

- Về công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

- Hỗ trợ về khoa học - công nghệ

- Hỗ trợ chính sách về đất đai

- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX

- Hỗ trợ HTX đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của cộng đồng thành viên và tham gia các chương trình, dự án kinh tế - xã hội

- Hỗ trợ về chính sách thuế

- Việc đề xuất, bố trí kinh phí lồng ghép triển khai thực hiện hỗ trợ 05 HTX tham gia Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM KẾ HOẠCH

1. Một số chỉ tiêu cụ thể năm kế hoạch

Báo cáo theo phụ lục I.

2. Đề xuất nhu cầu hỗ trợ phát triển KTTT, HTX năm kế hoạch

- *Báo cáo theo phụ lục II, III;*

- *Báo cáo theo Phụ lục IV:* Đối với nhu cầu hỗ trợ các HTX tham gia Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Các giải pháp phát triển KTTT, HTX năm kế hoạch

Phần II. BIỂU MẪU BÁO CÁO

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM BÁO CÁO VÀ DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU NĂM KẾ HOẠCH

(Kèm theo Báo cáo số.../BC-...ngày...tháng...năm...của.....)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm báo cáo	Năm báo cáo			Năm kế hoạch
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	
I	Hợp tác xã						
1	Tổng số hợp tác xã	HTX					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX					
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX					
	Số hợp tác xã giải thể	HTX					
	Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*)	HTX					
	Số HTX ứng dụng công nghệ cao	HTX					
	Số HTX nông nghiệp liên kết với DN theo chuỗi giá trị	HTX					
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người					
	<i>Trong đó:</i>						

	Số thành viên mới	Thành viên					
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên					
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số lao động thường xuyên mới	Người					
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người					
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người					
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người					
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm					
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm					
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm					
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm					
II	Liên hiệp hợp tác xã						
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX					
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX					
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người					

4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm					
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm					
III	Tổ hợp tác						
1	Tổng số tổ hợp tác	THT					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT					
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác (tính trên THT có đăng ký)	Thành viên					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên					
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm					
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm					

(* Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**Phụ lục 2****NHU CẦU VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM KẾ HOẠCH***(Kèm theo Báo cáo số.../BC-...ngày...tháng...năm...của.....)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm báo cáo		Năm kế hoạch		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Dự kiến đơn vị thực hiện	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				0.00		
1	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT				0.00		
1.1	Đào tạo						
	- Số người được cử đi đào tạo (đối với CBCC)	Người					
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
1.2	Bồi dưỡng						
	- Số người được tham gia bồi dưỡng (báo gồm cán bộ HTX và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước)	Người					
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					

2	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT						
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	0	0	-		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	0	0	-		
3	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường				0.00		
3.1	Tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn ngoài nước						
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX		0			
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng		0	0.00		
3.2	Kinh phí đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc						
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX		0			
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng		0	-	Sở Khoa học và Công nghệ	Kèm theo dự toán chi tiết
4	Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ)	Tr đồng					
II	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				0.00		
1	Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã				0.00		
	- Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ	HTX, LHHTX			-		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			-	UBND các huyện, thị xã, thành phố	

2	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT				0.00		
2.1	Đào tạo						
	- Số người được cử đi đào tạo (NLD, CB của HTX)	Người		0		Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Liên minh HTX tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ (Chi hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo)	Tr đồng		0	0.00		
2.2	Bồi dưỡng						
	- Số người được tham gia bồi dưỡng (bồi dưỡng theo Chương trình của các ngành, Liên minh HTX tỉnh)	Người				Liên minh HTX tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố,...	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
2.3	Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể (hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng).				0.00		
	- Số lao động/HTX	Người	0	0		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	0	0	-		
3	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu; tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT				0.000		
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX		0			

	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng		0	0.000	Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh HTX tỉnh, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
4	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường				0.00		
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX				Sở Công thương; Liên minh HTX tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng					
5	Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ)						

(*) Kèm theo dự toán theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 124/2021/TT-BTC

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**Phụ lục 3****NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM KẾ HOẠCH***(Kèm theo Báo cáo số.../BC-...ngày...tháng...năm...của.....)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Tổng mức đầu tư		Ước thực hiện năm báo cáo		Năm kế hoạch	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó NSNN	Kế hoạch	Thực hiện		
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	0	0	0	0	0	
1	Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn	0	0	0	0	0	
1	Dự án....						
2	Dự án....						
3	Dự án....						
2	Dự án thuộc Chương trình MTQG	0	0	0	0	0	
			0			0	
	Dự án....						
	Dự án....						
II	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	0	0	0	0	0	
1	Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn	0	0	0	0	0	
1	Dự án....						
2	Dự án....						

2	Dự án thuộc Chương trình MTQG...	0	0			0	

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**Phụ lục 4****HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 167/QĐ-TTG NGÀY 03/02/2021 PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN LỰA CHỌN, HOÀN THIỆN, NHÂN RỘNG MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI HIỆU QUẢ TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRÊN CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025***(Kèm theo Báo cáo số.../BC-...ngày...tháng...năm...của.....)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung hỗ trợ	Số HTX được hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ năm báo cáo			Dự kiến hỗ trợ năm kế hoạch			Ghi chú
			Tổng số	NS địa phương	NSTW	Tổng số	NS địa phương	NSTW	
1	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực								<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 1208/SKHĐT-DN ngày 08/5/2023; Công văn số 1370/SKHĐT-QLN ngày 19/5/2023.</i>
2	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường								
3	Ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới;								
4	Tiếp cận nguồn vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX								
5	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm.								
6	Hỗ trợ khác								

-	Hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, xe chuyên dụng,...								
	Tổng cộng								

